

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 8
THỜI GIAN: 60 PHÚT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

PHÂN MÔN LỊCH SỬ																		
STT	Chủ đề/chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Điểm; Tỷ lệ %
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	Bài 20. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884)			2												2	0,5 5%
		Phong trào Cần Vương							4					1	4		1	1,5 15%
		Khởi nghĩa Yên Thế			2								1			1	2	1,5 15%

2				2		1 câu 4 ý								1	2		1,5 15%	
Số câu				2	4	1 câu 4 ý			4				1	1	5	3	5	13
			6			1			4			2			5	3	5	13
Số điểm			1,5			1,0			1,0			1,5			2,0	1,5	1,5	5
Tỉ lệ %			15			10			10			15			20	15	15	50
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ																		
STT	Chủ đề/chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Điểm; Tỉ lệ %
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM	Đặc điểm chung và sự phân bố của lớp phủ thổ nhưỡng	2			1 Câu 4 ý					1				3		1	1,75 17,5%
		Sử dụng hợp lí tài nguyên đất	1	2	1					2					1	4	1	1,50 15,0%
		Đặc điểm của sinh vật và vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học							1				1	1	1	1	1	1,75 17,5%
Số câu			3	2	1	1 câu 4 ý			1	2	1		1	1	5	5	3	13

	6	1	4	2	5	5	3	13
Số điểm	1,5	1,0	1,0	1,5	2,0	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ %	15	10	10	15	20	15	15	50
Tổng số câu	12	2	8	4	10	8	8	26
Tổng số điểm	3,0	2,0	2,0	3,0	4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %	30	20	20	30	40	30	30	100,0

II. BẢN ĐẶC TẢ

PHÂN MÔN LỊCH SỬ														
STT	Chủ đề/chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá										
				TNKQ									Tự luận	
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn				
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu
1	CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX.	Bài 20. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884)	- Quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1884. - Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884). - Trình bày được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858 – 1884); Trình bày được cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884).			2								
		Phong trào Cần Vương	Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương (1885								4			

[illegible]

			Tính tỉ lệ % nhóm đất phù sa trong tổng diện tích đất ở Việt Nam.											
		Sử dụng hợp lý tài nguyên đất	* Nhận biết: Trình bày được đặc điểm của đất phù sa sông. * Thông hiểu: - Trình bày được giá trị sử dụng của đất phù sa. - Phân tích được nguyên nhân và hậu quả của thoái hóa đất ở vùng đồi núi. - Giải thích được đặc điểm của đất Feralit. * Vận dụng: Phân tích được giá trị sử dụng của đất Feralit ở những nơi có độ dốc nhỏ.	1	1	1					1	1		
		Đặc điểm của sinh vật và vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học	* Nhận biết: Trình bày được đặc điểm phân bố của Hệ sinh thái rừng ngập mặn. * Thông hiểu: Trình bày được nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học. * Vận dụng: Liên hệ bản thân để đề xuất các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta hiện nay.						1				1	1
Số câu				3	2	1	1		1	2	1		1	1
				6		1			4			2		
Số điểm				1,5		1,0			1,0			1,5		

Tỉ lệ %	15	10	10	15
Tổng số câu	12	2	8	4
Tổng số điểm	3,0	2,0	2,0	3,0
Tỉ lệ %	30	20	20	30

III. ĐỀ KIỂM TRA

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

Phần I: Trắc nghiệm (3,5 điểm)

Câu 1: Thực dân Pháp chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam vào ngày nào?

- A. 1/9/1858 B. 31/8/1858 C. 20/6/1858 D. 14/7/1858

Câu 2: Vì sao thực dân Pháp chọn Đà Nẵng làm nơi nổ súng xâm lược Việt Nam đầu tiên?

- A. Đà Nẵng là trung tâm kinh tế lớn nhất của nước ta
B. Đà Nẵng có vị trí chiến lược quan trọng, gần kinh đô Huế
C. Đà Nẵng là nơi có lực lượng quân đội triều đình mạnh nhất
D. Nhân dân Đà Nẵng không có tinh thần kháng chiến

Câu 3: Chiến thắng nào của quân dân ta năm 1873 đã giáng đòn mạnh vào quân xâm lược Pháp?

- A. Chiến thắng Gò Công
B. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất
C. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai
D. Chiến thắng Ba Đình

Câu 4: Hiệp ước nào được ký kết vào năm 1862, buộc nhà Nguyễn nhượng ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp?

- A. Hiệp ước Giáp Tuất
B. Hiệp ước Nhâm Tuất
C. Hiệp ước Giáp Dần
D. Hiệp ước Mậu Ngọ

Câu 5: Khi Pháp tấn công thành Hà Nội lần thứ hai (1882), ai là Tổng đốc Hà Nội đã chỉ huy quân dân chống trả quyết liệt?

- A. Nguyễn Tri Phương
B. Hoàng Diệu
C. Tôn Thất Thuyết
D. Trương Định

Câu 6: Hiệp ước Patenôtre (1884) có nội dung quan trọng nào?

- A. Xác nhận nền độc lập của Việt Nam
B. Thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam
C. Trả lại Bắc Kỳ cho triều đình nhà Nguyễn
D. Yêu cầu Pháp rút quân khỏi Việt Nam

Câu 7: Sự kiện nào đánh dấu việc thực dân Pháp hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam?

- A. Hiệp ước Hác-măng (1883)
B. Hiệp ước Giáp Tuất (1874)
C. Hiệp ước Patenôtre (1884)
D. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai (1883)

Câu 8: Đầu năm 1861, Pháp tập trung lực lượng tấn công Đại đồn Chí Hòa, đánh chiếm Gia Định, tiếp đó, mở rộng đánh chiếm các tỉnh

- A. Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long.
B. Hà Tiên, An Giang, Vĩnh Long.
C. Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.
D. Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

Câu 9: Anh hùng dân tộc nào đã được nhân dân Gò Công suy tôn là Bình Tây đại nguyên soái?

- A. Nguyễn Trung Trực.
B. Trương Định.
C. Võ Duy Dương.
D. Nguyễn Hữu Huân.

Câu 10: Cuộc khởi nghĩa nào dưới đây không thuộc phong trào Cần vương ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX?

- A. Bãi Sậy.
- B. Yên Thế.
- C. Hùng Lĩnh.
- D. Hương Khê.

Câu 11. Nhận xét nào sau đây đúng về phong trào Cần vương (1885 - 1896)?

- A. Diễn ra trên phạm vi rộng lớn, nhất là ở các tỉnh Trung Kỳ và Nam Kỳ.
- B. Phong trào Cần vương tuy thất bại, nhưng có ý nghĩa lịch sử to lớn.
- C. Góp phần làm chậm quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
- D. Giành thắng lợi, lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Câu 12. Nhân vật lịch sử nào được đề cập đến trong câu đố dân gian sau:

*“Anh hùng Bãi Sậy Hưng Yên
Chiếu Cần vương xuống, đứng lên đánh thù?”*

- A. Nguyễn Thiện Thuật.
- B. Hoàng Hoa Thám.
- C. Phan Đình Phùng.
- D. Đinh Công Tráng.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng chính sách cai trị của thực dân Pháp trên lĩnh vực chính trị ở Việt Nam trong những năm 1897 - 1914?

- A. Chia Việt Nam thành 3 kì với 3 chế độ cai trị khác nhau.
- B. Thu tóm bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương.
- C. Cử viên toàn quyền người Pháp đứng đầu Liên bang Đông Dương.
- D. Áp dụng chế độ cai trị thống nhất ở cả 3 kì: Bắc, Trung, Nam.

Câu 14. Cuộc khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887) đặt dưới sự lãnh đạo của ai?

- A. Đinh Gia Quế và Nguyễn Thiện Thuật.
- B. Phạm Bành và Đinh Công Tráng.
- C. Đề Nắm và Hoàng Hoa Thám.
- D. Phan Đình Phùng và Cao Thắng.

II. Tự luận:

1. Trình bày khởi nghĩa Yên Thế? Khởi nghĩa Yên Thế có điểm gì khác so với phong trào Cần Vương?
2. Lập và hoàn thành bảng hệ thống về các khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX.

Tên cuộc khởi nghĩa, thời gian	Người lãnh đạo	Căn cứ/địa bàn	Kết quả

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

Phần I: Trắc nghiệm (3,5 điểm)

Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6; mỗi câu hỏi chỉ chọn 1 phương án

Câu 1: Đất phù sa ở các vùng cửa sông, ven biển thuận lợi cho

- A. trồng cây lương thực, rau quả.
- B. khai thác và nuôi trồng thủy sản.
- C. trồng các loại cây gỗ quý.
- D. trồng hoa màu và cây công nghiệp lâu năm.

Câu 2: Nước ta có những nhóm đất chính nào?

- A. Nhóm đất feralit.
- B. Nhóm đất phù sa.
- C. Nhóm đất mùn núi cao.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 3: Đặc điểm cơ bản của thổ nhưỡng nước ta là

- A. tính chất nhiệt đới gió mùa.
- B. tính chất toi xốp.
- C. tính chất giàu dưỡng chất.
- D. tính chất khô, nóng.

Câu 4: Đất phù sa sông có đặc điểm gì?

- A. Là loại đất phù sa trung tính, ít chua, màu nâu, tơi xốp, giàu dinh dưỡng.
- B. Đất có màu nâu, tơi xốp, giàu chất dinh dưỡng, chua.
- C. Đất có màu vàng, nghèo chất dinh dưỡng.
- D. Đất có màu nâu, tơi xốp, nghèo chất dinh dưỡng.

Câu 5: Đất bị rửa trôi, xói mòn ở các vùng đồi núi dẫn đến việc

- A. các vùng đất này bị biến thành các trung tâm công nghiệp.
- B. mưa lũ xảy ra triều miên ở các vùng này.
- C. đất không còn độ phì, chất dinh dưỡng cho thực vật phát triển, đất khó phục hồi.
- D. đất thêm nhiều độ phì, dễ trồng trọt.

Câu 6: Đối với đất feralit, ở những nơi có độ dốc nhỏ, có thể kết hợp trồng các loại cây gì?

- A. Cây ngắn ngày, cây thực phẩm, cây hoa.
- B. Cây công nghiệp hàng năm, cây thực phẩm và cây lương thực
- C. Cây lấy gỗ, cây công nghiệp lâu năm, cây dược liệu
- D. Tất cả các đáp án trên.

Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 7 đến câu 10

Câu 7: Cho bảng số liệu: Diện tích 3 nhóm đất chính ở nước ta năm 2021

Nhóm đất	Feralit	Phù sa	Mùn núi cao	Tổng
Diện tích (km²)	215.287,8	79.490,9	36.433,3	331.212,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng (%) đất Phù sa trong cơ cấu các nhóm đất ở nước ta (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Trả lời:

Câu 8: Tại sao đất feralit có màu đỏ vàng?

Trả lời:

Câu 9: Hệ sinh thái rừng ngập mặn phân bố chủ yếu ở khu vực nào?

Trả lời:

Câu 10: Nguyên nhân đất bị rửa trôi, xói mòn chiếm diện tích lớn ở các vùng đồi núi là gì?

Trả lời:

Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời câu 11. Trong mỗi ý a), b), c), d), thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 11:

a) Đất feralit thường phân bố ở vùng đồng bằng.	
b) Đất phù sa chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta.	
c) Đất phù sa phân bố chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và các đồng bằng nhỏ hẹp ven biển miền Trung	
d) Đất mùn núi cao phân bố ở độ cao trên 1 600 m.	

Phần II: Tự luận (1,5 điểm)

Cho thông tin sau:

Theo Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ đa dạng sinh học cao nhất thế giới với nhiều hệ sinh thái khác nhau gồm núi, rừng nhiệt đới, núi đá vôi/khoáng, hệ sinh thái biển và ven biển; hơn 100 loài chim và hơn 10% các loài thực vật của Việt Nam có tính đặc hữu. Tuy nhiên, các chuyên gia của Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam (WWF Việt Nam) đánh giá giá trị đa dạng sinh học của Việt Nam đang xuống cấp và thoái hóa. (Nguồn: Bộ tài nguyên môi trường, ngày 13/03/2024)

Câu 2: (1,0đ) Bản thân em hãy đề xuất các biện pháp để bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam.

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM, THANG ĐIỂM

PHÂN MÔN LỊCH SỬ							
Câu	Nội dung						Điểm
Phần trắc nghiệm (3,5 điểm)	Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,5 điểm						1,5
	1	2	3	4	5	6	
	B	D	C	A	B	A	
	Trắc nghiệm trả lời ngắn: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm Câu 7: Cung điện Mùa Đông. Câu 8: Cách mạng tháng Hai. Câu 9: Lê-nin. Câu 10: Xô Viết.						1,0
	Trắc nghiệm đúng sai: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm						1,0
		a	b	c	d		
		Đ	S	S	Đ		
Phần tự luận (1,5 điểm)	Câu 1: Em hãy trình bày một số thành tựu tiêu biểu về kĩ thuật trong các thế kỉ XVIII-XIX?						
	- Việc sử dụng máy hơi nước rộng rãi và các phát minh mới trong ngành luyện kim đã thúc đẩy sự tiến bộ của kĩ thuật.						0,25
	+ Tàu thủy của R.Phơn-ton						0,25
	+ Máy thu hoạch lúa mì của Mác Cây						
	+ Máy điện thoại của A.G.Beo						0,25
	+ Máy đĩa nghe nhạc và bóng đèn của Ê-đi-xon.						0,25

	+ Trong lĩnh vực quân sự xuất hiện đại bác, súng trường, tàu vỏ thép trọng tải lớn, ngư lôi...													
	Câu 2: Em hãy rút ra 2 bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng mười Nga năm 1917 đối với cách mạng Việt Nam? Yêu cầu HS trình bày được 2 trong số các bài học sau: - Bài học về giành chính quyền và giữ chính quyền - Sự cần thiết phải có một chính đảng cách mạng - Đảng Cộng sản lãnh đạo. - Đoàn kết các lực lượng cách mạng mà nòng cốt là liên minh công nhân - nông dân - trí thức - Bài học về nghệ thuật khởi nghĩa vũ trang, nắm bắt thời cơ....	0,5 (Mỗi ý đúng đạt 0,25 điểm)												
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ														
Phần trắc nghiệm (3,5 điểm)	Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,5 điểm <table><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td></tr><tr><td>B</td><td>D</td><td>A</td><td>A</td><td>C</td><td>B</td></tr></table>	1	2	3	4	5	6	B	D	A	A	C	B	1,5
	1	2	3	4	5	6								
	B	D	A	A	C	B								
Trắc nghiệm trả lời ngắn: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm Câu 7: 24% Câu 8: Vì có sắt và nhôm. Câu 9: Cửa sông, ven biển. Câu 10: Nạn phá rừng	1,0													
	Trắc nghiệm đúng sai: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm <table><tr><td>a</td><td>b</td><td>c</td><td>d</td></tr><tr><td>S</td><td>S</td><td>Đ</td><td>Đ</td></tr></table>	a	b	c	d	S	S	Đ	Đ	1,0				
a	b	c	d											
S	S	Đ	Đ											
Phần tự luận (1,5 điểm)	Câu 1: (0,5 đ) Nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta hiện nay:													

	- Do tự nhiên: bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng,... làm suy giảm đa dạng sinh học nhanh hơn, trầm trọng hơn. - Do hoạt động của con người: khai thác lâm sản, đốt rừng làm đất nông nghiệp, du canh du cư... làm cho diện tích rừng thu hẹp, nhiều loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng...	0,25
	- Do hoạt động của con người: khai thác lâm sản, đốt rừng làm đất nông nghiệp, du canh du cư... làm cho diện tích rừng thu hẹp, nhiều loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng...	0,25
	Câu 2: (1,0 đ) Học sinh đề xuất được 4 biện pháp. Mỗi biện pháp đúng đạt 0,25 đ Bản thân em hãy đề xuất các biện pháp để bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam - Tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. - Tích cực trồng cây để bảo vệ môi trường. - Tham gia các hoạt động về xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia nhằm bảo vệ và khôi phục các hệ sinh thái tự nhiên, rừng nguyên sinh và động thực vật quý hiếm. - Thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường và Luật Đa dạng sinh học ở nước ta. - Phân loại rác thải, không xả rác ra môi trường.	1,0